

Số: 59/2019/QĐST-HNGĐ

Đông Anh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Lê Thị Q.** Sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn V, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Anh **Nguyễn Doãn T.** Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản thuận tình ly hôn ngày 31/01/2019 các đương sự thỏa thuận:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Doãn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội ngày 29/11/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm về cách sống, không thể hòa hợp được với nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh, chị sống ly thân và đã được gia đình, địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh, chị thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh, chị cùng thống nhất ý kiến xác định trong quá trình chung sống anh, chị có một con chung là Nguyễn Anh U, sinh ngày 06/11/2015. Ly hôn,

anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu U cho đến khi cháu U thành niên hoặc có sự thay đổi khác và hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh, chị cùng thống nhất ý kiến xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Doãn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Anh U, sinh ngày 06/11/2015. Ly hôn, anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu U cho đến khi cháu U thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh, chị thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Q và anh T mỗi người phải chịu $1/2 = 150.000$ đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh T để chị Q chịu toàn bộ lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008193 ngày 01.02.2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị Q đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- Các đương sự.
- TANDTP Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã H, huyện Đ, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh

